

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 19/5/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hòa và bà Phạm Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 26/2022/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994; ĐKHKTT: xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú: xóm 9, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình(có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; ĐKHKTT và trú tại: xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ ở xóm 2, xã H. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021.

Theo chị H nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Đầu năm 2021, chị đã làm thủ tục ly hôn với anh Đ nhưng anh Đ không hợp tác giải quyết, có thái độ trốn tránh, bản thân chị cũng đã suy nghĩ cho vợ chồng thêm cơ hội hòa giải với nhau nên chị đã rút đơn

khởi kiện. Nhưng sau đó mâu thuẫn của vợ chồng không được khắc phục mà tiếp tục sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Ngọc Linh Đ1, sinh ngày 11/5/2020. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị

Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trong biên bản sự việc ngày 25/02/2022 trình bày:

Anh đã được biết chị H làm thủ tục ly hôn lần thứ 2 với anh. Chị H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ để được hơn 1 năm nên anh xác định vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa nhưng anh không đến Tòa án để làm thủ tục mà để chị H tự làm thủ tục ly hôn đơn phương, anh không có ý kiến gì

Về con chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng có 2 con chung như chị H đã nêu. Khi ly hôn, anh mong muốn được nuôi 1 con nhưng chị H kiên quyết yêu cầu được nuôi cả hai con thì anh nhường quyền nuôi cả hai con cho chị H, anh sẽ không đóng góp tiền nuôi con cho chị H. Nếu chị H không nuôi con được thì anh sẽ nuôi

Về tài sản chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ; giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 2 con chung của vợ chồng là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Ngọc Linh Đ2, sinh ngày 11/5/2020. Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, cư trú tại xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H xác định do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống, anh Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh Đ không thay đổi. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị đã làm thủ tục ly hôn với anh Đ vào đầu năm 2021 nhưng rút đơn khởi kiện để vợ chồng suy nghĩ, có thêm thời gian trao đổi, hòa giải. Sau đó anh chị không về chung sống với nhau mà tiếp tục sống ly thân cho đến nay

Về phía anh Đ, anh không nêu rõ nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn là gì, anh cho rằng việc chị H tự ý bỏ nhà đi được hơn 1 năm nên đến nay vợ chồng không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Anh không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H đơn phương ly hôn.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh Đ tại UBND xã H là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên thời gian gần đây chị H, anh Đ không chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh Đ và chị H chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là khác nhau nhưng cả chị H và anh Đ đều xác định vợ chồng hiện không còn chung sống và không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh Đ hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh Đ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị H và anh Đ đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Ngọc Linh Đ2, sinh ngày 11/5/2020. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về phía anh Đ, anh mong muốn được nuôi 1 cháu nhưng nếu chị H kiên quyết được nuôi cả 2 con thì anh để cho chị H nuôi cả 2 con, anh sẽ không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị H không nuôi được thì anh sẽ nuôi các con.

Thực tế từ khi sống ly thân, cả hai con chung ở với chị H, do chị H nuôi dưỡng. Để đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của các con chung thì việc giao cả hai con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.,

Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù đã được giải thích về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị H vẫn không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền nuôi con vì hiện cuộc sống của các con đều được đảm bảo. Vì vậy việc giao cả hai con

chung cho chị H nuôi dưỡng và anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 20/6/2017 và Nguyễn Ngọc Linh Đ2, sinh ngày 11/5/2020. Anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4488 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh